| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Quyết định giám đốc thẩm**
Số: 08/2025/DS-GĐT
Ngày: 07/3/2025
V/v *"Kiện đòi tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**ỦY BAN THẨM PHÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Phiên toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có 11/11 thành viên tham gia xét xử, do ông Trần Huy Đức - Phó Chánh án làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Ba - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh và ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Kiện đòi tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất",* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C; sinh năm 1950; địa chỉ: H L, khối D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim K, sinh năm 1968; địa chỉ: E H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thùy A; địa chỉ: 287/2/2 T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn phòng C2; địa chỉ: C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào tháng 10/2018, ông C đã ly hôn vợ cũ và bán đất tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa lên thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk tìm đất và nhà ở. Khi ông C đang ở nhà người cháu thì bà Lê Thị Kim K gọi điện cho ông C (Do hai người đã quen biết nhau). Sau nhiều lần tìm hiểu thì ông C và bà K yêu nhau và nhất trí kết hôn với nhau.

Ngày 13/11/2018, bà K mượn ông C số tiền 2.000.000.000 đồng để mua nhà cho con gái tại S, ông C đồng ý và chuyển số tiền trên vào tài khoản của bà K: 5201205111614 tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh thành phố B.

Ngày 14/11/2018, ông C và bà K đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B và cùng chung sống tại số nhà E Hoảng H, thành phố B.

Cuối tháng 11/2018, bà K mượn của ông C số tiền 300.000.000 đồng để vào S mua nhà cho con gái. Tháng 01/2019, bà K ở S nhắn tin và gọi điện cho ông C là đã mua được nhà và bảo ông C cho  mượn thêm 500.000.000 đồng, ông C đồng ý. Ngày hôm sau bà K từ S về, ông C ra ngân hàng rút số tiền từ sổ tiết kiệm và giao đủ cho bà K số tiền 500.000.000 đồng để bà vào S thanh toán tiền mua nhà.

Ngày 10/01/2019, bà K hứa hẹn sẽ để ông C đứng tên sổ đỏ căn nhà tại địa chỉ E H và chăm sóc ông C suốt đời nên ông C đã viết giấy Lời cam kết tặng cho bà K số tiền 2.800.000.000 đồng. Giấy này bà K giữ bản gốc, ông C chỉ có bản photo nên không thể cung cấp bản gốc cho Tòa án được.

Ngày 15/3/2019 ông C có tên trong sổ hộ khẩu nhà bà K, đồng thời hối thúc bà K làm bìa đỏ nhà đất có tên ông C đứng tên đồng chủ sở hữu, nhưng bà K chưa chịu làm.

Đến tháng 4/2019 bà K nói với ông C vào S để khám bệnh và thăm con gái; ông C về nhà cháu tại Km62, Quốc lộ B ở được một tuần thì về lại nhà tại E H thì thấy có người thuê nhà. Ông C hỏi hàng xóm thì biết sau khi ông C đi được 01 ngày, bà K đã dọn đồ đạc đi nơi khác. Chiếc xe đạp và quần áo của ông C thì bà K gửi nhờ nhà hàng xóm.

Tháng 8/2019 bà K đã làm đơn ly hôn với ông C và được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho hai người ly hôn.

Sau này, ông C mới biết vào ngày 19/02/2019 bà K đã làm thủ tục tặng cho con gái là Nguyễn Thị Thùy A nhà và đất tại E H, thửa đất số 220, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: E H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AI 549966, ngày 10/9/2007 cho bà Lê Thị Kim K. Như vậy, bà K đã tặng cho QSDĐ trên cho con gái từ trước để khi ông C nhập khẩu vào 56 Hoàng Hoa T, đề phòng việc ông C đòi tiền. Đây là hình thức tẩu tán tài sản để trốn nợ

Nay ông C khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà K phải trả cho ông C số tiền 3.360.000.000 đồng (trong đó 2.800.000.000 đồng là tiền gốc đã viết giấy tặng cho và 560.000.000 đồng là tiền lãi và yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Kim K và Nguyễn Thị Thùy A.

* Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Lê Thị Kim K và người đại điện theo ủy quyền trình bày:

Sau một thời gian quen biết nhau, ông C và bà K đồng ý tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường T vào ngày 12/11/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và xét thấy không thể sống chung với nhau nên tại Bản án số 197 ngày 26/11/2019 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột cho bà K được ly hôn với ông C.

- Bà K xác định ông C có chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà K: 5201205111614 tại Ngân hàng A2 - chi nhánh thành phố B.

- Đối với 02 lần đưa tiền là 300.000.000 đồng và 500.000.000 đồng vào tháng 11/2018 thì bà K xác định là có.

- Do vậy đối với lời cam kết ngày 10/01/2019 thì ông C xác định có 01 tờ giấy này. Lúc đó bà K giữ bản gốc nhưng đã bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được. Đề nghị Tòa án yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp bản gốc này cho Tòa án

Theo quy định tại Điều 237 BLDS 2015, thì căn cứ chấm dứt quyền sở hữu: Quyền sở hữu chấm dứt trong trường hợp sau đây: - Chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu của mình cho người khác". Như vậy, quyền sở hữu đối với số tiền 2.800.000.000 đồng mà ông C kiện đòi bà K trả lại là không có căn cứ vì ông C đã tặng cho bà K và cam kết không đòi lại.

Tài sản là đất tại số E H, TP . mà bà K đứng tên chủ quyền trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549966 ngày 18/9/2007. Ngày 12/11/2018 bà K và ông C mới đăng ký kết hôn, nên đây là tài sản riêng của bà K. Ngày 09/01/2019 bà K lập hợp đồng tặng cho con gái Nguyễn Thị Thùy A không liên quan đến ông Nguyễn Văn C. Việc ông C yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng này vô hiệu là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy A trình bày: Quyền sử dụng đất số Al 549966 ngày 18/9/2007 đứng tên mẹ tôi là tài sản riêng của mẹ tôi nên sau này mẹ tôi mới kết hôn với ông C. Nên vào ngày 09/01/2019 mẹ tôi tặng cho tôi là hợp pháp tại Văn phòng C2 nên tôi không đồng ý với yêu cầu của ông C đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bà Lê Thị T1 là đại diện theo ủy quyền của của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 trình bày:

Ngày 09/01/2019 Văn Phòng C2 đã nhận hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Kim K và bà Nguyễn Thị Thùy A là con sau khi kiểm tra thông tin đầy đủ nên Văn Phòng C2 đã ký theo quy định nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 131/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 237, Điều 238, Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc: Buộc bà Lê Thị Kim K phải trả lại số tiền 2.800.000.000 đồng và lãi

suất theo quy định tính đến ngày tuyên án sơ thẩm là 1.116.111.000 đồng cho ông Nguyễn Văn C.

- Yêu cầu Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 003410 quyển số 1 ngày 09/01/2019 giữa bà Lê Thị Kim K và bà Nguyễn Thị Thùy A tại Văn phòng C2 đối với thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 24, diện tích 104,9m².

Ngoài ra, bản án còn tuyền và án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

** Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C - Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 161, 165, 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 124; Điều 166; Điều 429; Điều 457; khoản 2 Điều 468; Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C: Buộc bà Lê Thị Kim K phải trả cho ông Nguyễn Văn C tổng số tiền là 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khỉ thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[1.2] Tuyên bố Hợp đồng tặng cho ngày 09/01/2019 giữa bà Lê Thị Kim K và Nguyễn Thị Thùy A tại Văn phòng C2 về việc tặng cho Quyền sử dụng đất số AI 549 366 ngày 18/9/2007 đối với thửa đất 220 tờ bản đồ số 24 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là số E H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Lê Thị Kim K ngày 18/9/2007 là vô hiệu.

[1.3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi đối với khoản vay 2.800.000.000 đồng. Ngoài ra bản án phúc thẩm còn tuyên phần án phí và Thi hành án theo quy định pháp luật.Ngày 04/05/2024, ông Nguyễn Hữu T2 và ông Nguyễn Hữu N có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 112/2024/DS-PT ngày19/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 76/QĐ-VKS-DS ngày 20/9/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:*

1. Kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Tạm đình chỉ thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho đến khi có quyết định giám đốc thẩm.

* Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 76/QĐ-VKS-DS ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xuất phát từ mối quan hệ tình cảm, từ ngày 13/11/2018 đến tháng 01/2019, bà Lê Thị Kim K đã 03 lần vay tiền của ông Nguyễn Văn C với tổng số tiền 2.800.000.000 đồng, cụ thể: lần 1, ngày 13/11/2018 vay số tiền 2.000.000.000 đồng; lần 2, tháng 11/2018 vay số tiền 300.000.000 đồng; lần 3, tháng 01/2019 vay số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 14/11/2018, ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Kim K đăng ký kết hôn. Ngày 26/11/2019, ông C và bà K ly hôn theo Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 197/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 09/01/2019, bà Lê Thị Kim K lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái là bà Nguyễn Thị Thùy A đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 24, diện tích 104,9m² tại địa chỉ E H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Các bên lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C2. Ngày 17/01/2019, bà Lê Thị Thùy A1 được chỉnh lý sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim K trả lại cho ông số tiền 2.800.000.000 đồng đã vay và tiền lãi theo quy định pháp luật đồng thời đề nghị Toà án giải quyết huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập giữa bà K và con gái là bà Nguyễn Thị Thùy A.

Bà Lê Thị Kim K cho rằng số tiền 2.800.000.000 đồng ông C đã tặng cho Bà thể hiện tại văn bản "Lời cam kết" được ông C tự tay viết ngày 10/01/2019 nên không đồng ý trả lại. Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 24, diện tích 104,9m² tại địa chỉ E H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của Bà, việc Bà tặng cho con gái là hợp pháp nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

[2]. Xét tính hợp pháp của văn bản *"Lời cam kết"* ghi ngày 10/01/2019 về việc ông Nguyễn Văn C tặng cho bà Lê Thị Kim K số tiền 2.800.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được bản gốc của văn bản *"Lời cam kết ghi ngày 10/01/2019"* mà chỉ có bản Photocopy. Nội dung của văn bản *"Lời cam kết"* thể hiện:*"Hôm nay ngày 10/01/2019, tôi Nguyễn Văn C là chồng của bà Lê Kim K, số tiền mà tôi đưa cho vợ tôi hồi ngày **12/12/2019** 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm ngàn đồng) nay tôi tặng cho vợ tôi tuyệt đối không đòi lại"*. Theo nội dung này thì ông C là người viết giấy tặng cho bà K, nên theo lẽ thông thường bà K phải là người giữ bản gốc. Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng bà K không xuất trình được bản gốc để đối chiếu cũng như làm căn cứ chứng minh cho trình bày của mình mà chỉ cung cấp cho Toà án bản photocopy, trong khi đó nội dung *"Lời cam kết"* tại bản photocopy mà bà K cung cấp bị tẩy xoá, sửa chữa. Thời gian viết Văn bản nêu trên là vào ngày 10/01/2019 nhưng thời gian thể hiện giao số tiền 2.800.000.000 đồng cho bà K là vào ngày 12/12/2019; các bên thừa nhận vào ngày 12/12/2019 không có diễn ra sự việc giao số tiền nêu trên. Bà K cho rằng ông C viết nhầm nhưng ông C không thừa nhận. Ngoài ra, tại văn bản *"Lời cam kết"* chỉ thể hiện ý chí của người cho không thể hiện sự đồng ý của người nhận là không đúng quy định Điều 457 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định *"chứng cứ mà phía bị đơn cung cấp không đủ căn cứ pháp lý để xác định việc ông Nguyễn Văn C tặng cho bà Lê Thị Kim K đối với số tiền 2.800.000.000 đồng mà ông C cho bà K vay trong khoản thời gian từ ngày 13/11/2018 đến tháng 01/2019"* là có cơ sở.

[3]. Xét số tiền 2.800.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn C cho bà Lê Thị Kim K vay trong khoản thời gian từ ngày 13/11/2018 đến tháng 01/2019:

Quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn đề nghị giám đốc thẩm, bà K trình bày số tiền 2.800.000.000 đồng mà ông K tặng cho, B sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng, cụ thể là đầu tư bất động sản thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2018 giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng S, bà Phạm Thị T3 với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Kim K và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/02/2019 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Kim K với bên nhận chuyển nhượng là ông Lã Như C1 với cùng một thửa đất số 735, tờ bản đồ số 25, diện tích 191,3m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà K trình bày, B và ông K nhận chuyển nhượng tài sản nêu trên với giá trị thực tế là 1.340.000.000 đồng (giá trị Hợp đồng 50.000.000 đồng), sau đó chuyển nhượng lại tài sản trên cho ông Lã Như C1 với giá 1.270.000.000 đồng (Giá trị Hợp đồng 170.000.000 đồng). Toàn bộ số tiền chuyển nhượng này ông C đã gửi vào sổ tiết kiệm. Tuy nhiên, ngoài các Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện nguồn tiền bà sử dụng vào việc nhận chuyển nhượng, cũng như việc bà sử dụng số tiền trên vào mục đích chung của gia đình. Do đó, trình bày của bà K không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát cung cấp tài liệu là Đơn đề nghị giám đốc thẩm bổ sung của bà Lê Thị Kim K và Công văn của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, bà K trình bày Bà đã thi hành xong đối với số tiền 2.800.000.000 đồng mà Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày 19/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên buộc B phải trả cho ông C. Tuy nhiên, Bà vẫn đề nghị xem xét Bản án phúc thẩm nêu trên theo trình tự thủ tục giám đốc thẩm. Tại Công văn số 6623/CCTHADS-NV ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ngày 01/10/2024 thể hiện: Ngày 27/8/2024, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột lập biên bản về việc người được thi hành án yêu cầu đình chỉ thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án số 179/QĐ - CCTHADS ngày 27/8/2024 về việc đình chỉ thi hành án đối với bà Lê Thị Kim K, địa chỉ: số E H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. *(kèm theo là Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 1487/QĐ-CCTHADS ngày 01/02/2024 và Quyết định về việc đình chỉ thi hành án số 179/QĐ-CCTHADS ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).* Như vậy, bà K đã thực hiện xong nghĩa vụ về việc trả cho ông C số tiền 2.800.000.000 đồng theo như Bản án phúc thẩm đã tuyên.

Đối với nội dung tại Quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày 19/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên bố Hợp đồng tặng cho ngày 09/01/2019 giữa bà Lê Thị Kim K và Nguyễn Thị Thùy A vô hiệu thấy: căn cứ theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, trao trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp này, quyền và lợi ích của bà K không bị ảnh hưởng, tài sản trên vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà K.

Đối với nội dung yêu cầu tình tiền lãi thấy: 03 khoản tiền nợ nêu trên không thoả thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất. Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị số 76/QĐ-VKS-DS ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 76/QĐ-VKS-DS ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2024/DS-PT ngày 19/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**
- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Giám đốc kiểm tra II và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Công** **Phạm Tấn Hoàng** **Trần Huy Đức**

**Vũ Thanh Liêm** **Nguyễn Văn Tào** **Lê Tự**

**Lê Văn Thường** **Trần Quốc Cường** **Nguyễn Tấn Long**

**Đặng Kim Nhân** **Nguyễn Cường**